

BẢN SO SÁNH DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI VỚI LUẬT KIẾN TRÚC VÀ LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

(Theo dự thảo Luật ngày 27/5/2026)

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG		
Điều 1		Phạm vi điều chỉnh	<i>Giữ nguyên điều</i>	
		Luật này quy định về quản lý kiến trúc, hành nghề kiến trúc; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 2		Đối tượng áp dụng	<i>Giữ nguyên điều</i>	
		Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động kiến trúc và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kiến trúc trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 3		Giải thích từ ngữ	<i>Giữ nguyên điều</i>	
		Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:	<i>Giữ nguyên</i>	
	1	<i>Kiến trúc</i> là nghệ thuật và khoa học, kỹ thuật về tổ chức không gian, tạo lập môi trường sống bền vững đáp ứng nhu cầu của con người và xã hội.	<i>Giữ nguyên</i>	
	2	<i>Hoạt động kiến trúc</i> gồm quản lý kiến trúc và hành nghề kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
	3	<i>Thiết kế kiến trúc</i> là việc lập phương án kiến trúc, thể hiện ý tưởng kiến trúc, giải pháp kỹ thuật về kiến trúc trong hồ sơ thiết kế quy	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		hoạch, xây dựng, thiết kế nội thất, ngoại thất và kiến trúc cảnh quan.		
	4	<i>Công trình kiến trúc</i> là một hoặc tổ hợp công trình, hạng mục công trình được xây dựng theo ý tưởng kiến trúc hoặc thiết kế kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
	5	<i>Công trình kiến trúc có giá trị</i> là công trình kiến trúc tiêu biểu, có giá trị về kiến trúc, lịch sử, văn hóa, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	<i>Giữ nguyên</i>	
	6	<i>Hành nghề kiến trúc</i> là hoạt động nghề nghiệp của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 4		Nguyên tắc hoạt động kiến trúc	<i>Giữ nguyên điều</i>	
	1	Tuân thủ Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.	<i>Giữ nguyên</i>	
	2	Phù hợp với định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn; đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.	<i>Giữ nguyên</i>	
	3	Bảo tồn, kế thừa, phát huy các giá trị kiến trúc truyền thống, tiếp thu chọn lọc tinh hoa kiến trúc thế giới. Xây dựng nền kiến trúc Việt Nam tiên tiến, hiện đại, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
	4	Ứng dụng khoa học, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới phù hợp với thực tiễn Việt Nam bảo đảm hiệu quả về kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.	<i>Giữ nguyên</i>	
	5	Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; kết hợp hài hòa lợi ích của quốc gia, cộng đồng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 5		Bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc	<i>Giữ nguyên tên điều</i>	
	1	Bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc gồm đặc điểm, tính chất tiêu biểu, dấu ấn đặc trưng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, văn hóa, nghệ thuật; thuần phong mỹ tục của các dân tộc; kỹ thuật xây dựng và vật liệu xây dựng, được thể hiện trong công trình kiến trúc, tạo nên phong cách riêng của kiến trúc Việt Nam.	<i>Bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc là các đặc trưng về tổ chức không gian, hình thức kiến trúc, kỹ thuật xây dựng và cảnh quan phản ánh giá trị văn hóa, lịch sử, tập quán sinh hoạt và điều kiện tự nhiên của cộng đồng dân cư, được hình thành trong một khu vực xác định.</i>	Sửa đổi, cấu trúc lại nội dung các khoản của Điều này nhằm quy định rõ theo nguyên tắc Bản sắc văn hóa trong kiến trúc là gì, các yếu tố xác định và nhận diện, trách nhiệm xác định và vai trò của các yếu tố bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc.
	2	Căn cứ đặc điểm, tính chất tiêu biểu về văn hóa dân tộc của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức nghiên cứu, khảo sát, đánh giá và quy định nội dung yêu cầu về bản sắc văn hóa dân tộc trong quy chế quản lý kiến trúc phù hợp với địa bàn quản lý.	<i>Bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc được xác định, nhận diện thông qua các yếu tố sau: a) Khu vực, tuyến phố, điểm dân cư, công trình có giá trị kiến trúc cần bảo tồn, kế thừa; b) Các đặc trưng chủ yếu về hình thái không gian, chiều cao, mật độ xây dựng, vật liệu, màu sắc và hình thức kiến trúc tổng thể và tại từng khu vực;</i>	Sửa đổi, cấu trúc lại nội dung các khoản của Điều này nhằm quy định rõ theo nguyên tắc Bản sắc văn hóa trong kiến trúc là gì, các yếu tố xác định và nhận diện, trách nhiệm xác định và vai trò của các yếu tố bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc.

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
			<i>c) Yêu cầu về kế thừa, phát huy giá trị kiến trúc truyền thống phù hợp với điều kiện phát triển đô thị và nông thôn.</i>	
	3	Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc.	<i>Ủy ban nhân dân các cấp, theo thẩm quyền, có trách nhiệm xác định và cụ thể hóa nội dung bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc khi tổ chức lập, ban hành quy chế quản lý kiến trúc.</i>	Sửa đổi, cấu trúc lại nội dung các khoản của Điều này nhằm quy định rõ theo nguyên tắc Bản sắc văn hóa trong kiến trúc là gì, các yếu tố xác định và nhận diện, trách nhiệm xác định và vai trò của các yếu tố bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc.
Điều 6		Chính sách của Nhà nước trong hoạt động kiến trúc	<i>Giữ nguyên điều</i>	
	1	Nhà nước đầu tư cho các hoạt động sau đây:	<i>Giữ nguyên</i>	
		a) Xây dựng định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam;	<i>Giữ nguyên</i>	
		b) Thống kê, điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động kiến trúc; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	
		c) Xây dựng mẫu thiết kế kiến trúc đáp ứng tiêu chí bền vững, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;	<i>Giữ nguyên</i>	
		d) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
	2	Trong từng thời kỳ và khả năng của ngân sách nhà nước, Nhà nước hỗ trợ đầu tư cho các hoạt động sau đây:	<i>Giữ nguyên</i>	
		a) Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho tổ chức khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu chính sách, nghiên cứu cơ bản về kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	
		b) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về kiến trúc; nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới về kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	
		c) Bảo vệ, giữ gìn, tu bổ công trình kiến trúc có giá trị chưa được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa;	<i>Giữ nguyên</i>	
		d) Mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế về kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	
		đ) Triển lãm, quảng bá về kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
	3	Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư cho hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và các hoạt động sau đây:	<i>Giữ nguyên</i>	
		a) Hợp tác, liên kết trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ kỹ thuật và các hoạt động liên quan trong lĩnh vực kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	
		b) Xã hội hóa các dịch vụ công trong lĩnh vực kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		c) Trợ giúp, tư vấn miễn phí về kiến trúc vì lợi ích của xã hội và cộng đồng.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 7		Ngày Kiến trúc Việt Nam	<i>Giữ nguyên điều</i>	
		Ngày 27 tháng 4 hằng năm là ngày Kiến trúc Việt Nam.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 8		Hợp tác quốc tế về kiến trúc	<i>Giữ nguyên điều</i>	
	1	Việc hợp tác quốc tế về kiến trúc với các quốc gia, vùng lãnh thổ được thực hiện trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, pháp luật của mỗi bên và pháp luật quốc tế.	<i>Giữ nguyên</i>	
	2	Nội dung hợp tác quốc tế về kiến trúc bao gồm:	<i>Giữ nguyên</i>	
		a) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và trao đổi thông tin về kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	
		b) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	
		c) Thực hiện các hoạt động kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	
		d) Thừa nhận lẫn nhau về hành nghề kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 9		Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động kiến trúc	<i>Giữ nguyên điều</i>	
	1	Cản trở hoạt động quản lý kiến trúc và hành nghề kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
	2	Lợi dụng hành nghề kiến trúc gây ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		quốc gia, lợi ích dân tộc, trật tự xã hội, môi trường sống, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.		
	3	Đưa hồi lộ, nhận hồi lộ, thực hiện hành vi móc nối, trung gian trái pháp luật trong hoạt động kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
	4	Tiết lộ tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước; tiết lộ thông tin kinh doanh do khách hàng cung cấp, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác.	<i>Giữ nguyên</i>	
	5	Xây dựng công trình kiến trúc không đúng với thiết kế kiến trúc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép xây dựng.	<i>Giữ nguyên</i>	
	6	Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
	7	Cung cấp tài liệu, số liệu giả hoặc sai sự thật; lập hồ sơ thiết kế kiến trúc và xây dựng không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.	<i>Giữ nguyên</i>	
	8	Gian lận trong việc sát hạch, cấp, sử dụng chứng chỉ hành nghề kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
	9	Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn hoặc thiếu trách nhiệm trong quản lý kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
		Chương II. QUẢN LÝ KIẾN TRÚC		
Điều 10		Yêu cầu về quản lý kiến trúc	<i>Giữ nguyên điều</i>	
	1	Tuân thủ nguyên tắc hoạt động kiến trúc quy định tại Điều 4 của Luật này.	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
	2	Bảo đảm tính thống nhất trong việc quản lý từ không gian tổng thể đến không gian cụ thể của công trình kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
	3	Bảo đảm an toàn cho con người, công trình kiến trúc và khu vực tập trung dân cư trước tác động bất lợi do thiên nhiên hoặc con người gây ra.	<i>Giữ nguyên</i>	
	4	Không tác động tiêu cực đến cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, công trình kiến trúc có giá trị và môi trường sinh thái.	<i>Giữ nguyên</i>	
	5	Bảo đảm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 11		Yêu cầu đối với kiến trúc đô thị, kiến trúc nông thôn	<i>Giữ nguyên tên điều</i>	
	1	Kiến trúc đô thị phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:	<i>Giữ nguyên</i>	
		a) Hòa hòa với không gian, kiến trúc, cảnh quan chung của khu vực xây dựng công trình kiến trúc; gắn kết kiến trúc khu hiện hữu, khu phát triển mới, khu bảo tồn, khu vực giáp ranh đô thị và nông thôn, phù hợp với cảnh quan thiên nhiên;	<i>a) Kết hợp, kế thừa bản sắc văn hóa dân tộc truyền thống trong kiến trúc và tạo lập phong cách, hình thức kiến trúc hiện đại, tiên tiến, hòa hòa với không gian, kiến trúc, cảnh quan chung của khu vực xây dựng công trình kiến trúc; gắn kết kiến trúc khu hiện hữu, khu phát triển mới, khu bảo tồn, khu vực giáp ranh đô thị và nông thôn, phù hợp với cảnh quan thiên nhiên; tạo lập các giá trị đặc trưng của khu vực xây dựng công trình kiến trúc.</i>	Sửa đổi kỹ thuật diễn đạt, cụ thể hơn yêu cầu gắn kiến trúc với bản sắc văn hóa dân tộc.
		b) Sử dụng màu sắc, vật liệu, trang trí mặt ngoài của công trình kiến trúc phải bảo đảm mỹ quan,	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		không tác động xấu tới thị giác, sức khỏe con người, môi trường và an toàn giao thông;		
		c) Kiến trúc nhà ở phải kết hợp hài hòa giữa cải tạo với xây dựng mới, phù hợp với điều kiện tự nhiên và khí hậu, gắn công trình nhà ở riêng lẻ với tổng thể kiến trúc của khu vực;	<i>Giữ nguyên</i>	
		d) Công trình công cộng, công trình phục vụ tiện ích đô thị trên tuyến phố phải bảo đảm yêu cầu thẩm mỹ, công năng sử dụng, bảo đảm an toàn cho người và phương tiện giao thông;	<i>Giữ nguyên</i>	
		đ) Hệ thống biển báo, quảng cáo, chiếu sáng, trang trí đô thị phải tuân thủ quy chuẩn, quy hoạch quảng cáo ngoài trời, phù hợp với kiến trúc chung của khu đô thị;	<i>Giữ nguyên</i>	
		e) Công trình tượng đài, điêu khắc, phù điêu, đài phun nước và các công trình trang trí khác phải được thiết kế phù hợp với cảnh quan, đáp ứng yêu cầu sử dụng và thẩm mỹ nơi công cộng;	<i>Giữ nguyên</i>	
		g) Công trình giao thông phải được thiết kế đồng bộ, bảo đảm yêu cầu sử dụng, thẩm mỹ và tính chất của đô thị.	<i>Giữ nguyên</i>	
	2	Kiến trúc nông thôn phải đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm a, b, c và e khoản 1 Điều này và các yêu cầu sau đây:	<i>Giữ nguyên</i>	
		a) Bảo đảm kế thừa giá trị kiến trúc truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc; ưu tiên sử dụng vật liệu xây dựng địa phương và giải pháp kỹ thuật xây dựng tiên tiến;	a) Bảo đảm kế thừa giá trị kiến trúc truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc; kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại; ưu tiên sử dụng vật liệu xây dựng địa phương và giải pháp kỹ	Sửa đổi, bổ sung rõ ràng hơn về yêu cầu, vai trò tạo lập không gian của kiến trúc.

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
			thuật xây dựng tiên tiến; <i>hài hòa với không gian, kiến trúc cảnh quan chung của khu vực xây dựng công trình kiến trúc; phù hợp với cảnh quan thiên nhiên; tạo lập các giá trị đặc trưng của nông thôn;</i>	
		b) Bảo đảm tiêu chuẩn về nhà ở, không gian sống, không gian văn hóa phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán sinh hoạt, thuần phong mỹ tục của cộng đồng các dân tộc;	<i>Giữ nguyên</i>	
		c) Đối với khu vực thường xảy ra thiên tai, khuyến khích áp dụng mẫu thiết kế kiến trúc cho công trình công cộng và nhà ở nông thôn bảo đảm yêu cầu về thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.	Đối với <i>khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng của rủi ro thiên tai</i> , khuyến khích áp dụng mẫu thiết kế kiến trúc cho công trình công cộng và nhà ở nông thôn và bảo đảm yêu cầu về thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.	Thay thế cụm từ “khu vực thường xảy ra thiên tai” bằng cụm từ “khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng của rủi ro thiên tai” để phù hợp với pháp luật về môi trường.
Điều 12		Thiết kế kiến trúc	<i>Giữ nguyên tên điều</i>	
	1	Chủ đầu tư công trình kiến trúc có trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ thiết kế kiến trúc và thiết kế kiến trúc.	<i>Thiết kế kiến trúc gắn với quá trình thiết kế xây dựng.</i> Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ thiết kế <i>xây dựng bao gồm yêu cầu về</i> thiết kế kiến trúc và thiết kế kiến trúc.	Chỉnh lý kỹ thuật; đồng bộ với quy định về hoạt động xây dựng theo pháp luật về xây dựng.
	2	Thiết kế kiến trúc phải do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện thực hiện theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.	Thiết kế kiến trúc phải do <i>cá nhân, tổ chức</i> có đủ <i>tiêu chuẩn về năng lực</i> thực hiện theo quy định của Luật này.	Sửa đổi, bổ sung bảo đảm thống nhất, đồng bộ với pháp luật về xây dựng.
	3	Thiết kế kiến trúc phải tích hợp giải pháp kiến trúc với quy hoạch; phải xem xét toàn diện các	Thiết kế kiến trúc phải xem xét toàn diện các yêu cầu về kinh tế - xã hội, <i>quy định của quy</i>	Sửa đổi, bổ sung bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		yêu cầu về kinh tế - xã hội, công năng, kỹ thuật, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bản sắc văn hóa dân tộc và các yêu cầu khác đối với công trình; bảo đảm người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em dễ dàng tiếp cận sử dụng; bảo đảm bình đẳng giới.	<i>hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn</i> , công năng, kỹ thuật, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bản sắc văn hóa dân tộc và các yêu cầu khác đối với công trình; bảo đảm người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em dễ dàng tiếp cận sử dụng; <i>khuyến khích</i> bình đẳng giới.	định quản lý theo pháp luật về xây dựng, pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn
	4	Hồ sơ thiết kế kiến trúc được sử dụng làm cơ sở cho thiết kế xây dựng sau khi được chủ đầu tư đánh giá, nghiệm thu.	Hồ sơ thiết kế kiến trúc <i>là một thành phần trong hồ sơ thiết kế xây dựng và</i> làm cơ sở cho thiết kế xây dựng.	Sửa đổi, bổ sung bảo đảm thống nhất, đồng bộ với pháp luật về xây dựng.
	4a		<i>Khi lập hồ sơ thiết kế kiến trúc phải nghiên cứu, áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; ứng dụng mô hình thông tin công trình để thể hiện giải pháp kỹ thuật về kiến trúc trong hồ sơ thiết kế kiến trúc.</i>	Bổ sung quy định về yêu cầu ứng dụng công nghệ, mô hình thông tin công trình (BIM) trong thiết kế kiến trúc theo Nghị quyết số 57-NQ/TW và mục tiêu chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo.
	5	Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết hồ sơ thiết kế kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 13		Quản lý công trình kiến trúc có giá trị	<i>Giữ nguyên điều</i>	
	1	Công trình kiến trúc có giá trị đã được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa được quản lý theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.	<i>Giữ nguyên</i>	
	2	Công trình kiến trúc có giá trị không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, đánh giá hằng năm, lập	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		danh mục công trình kiến trúc có giá trị để tổ chức quản lý.		
	3	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lấy ý kiến hội đồng tư vấn về kiến trúc cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình lập danh mục công trình kiến trúc có giá trị quy định tại khoản 2 Điều này trước khi phê duyệt.	<i>Giữ nguyên</i>	
	4	Chủ sở hữu, người sử dụng công trình kiến trúc thuộc danh mục công trình kiến trúc có giá trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:	<i>Giữ nguyên</i>	
		a) Được thụ hưởng lợi ích từ việc bảo vệ, giữ gìn, tu bổ và khai thác công trình;	<i>Giữ nguyên</i>	
		b) Được Nhà nước xem xét hỗ trợ kinh phí bảo vệ, giữ gìn, tu bổ công trình;	<i>Giữ nguyên</i>	
		c) Bảo vệ, giữ gìn, tu bổ các giá trị kiến trúc của công trình; bảo đảm an toàn của công trình trong quá trình khai thác, sử dụng;	<i>Giữ nguyên</i>	
		d) Không tự ý thay đổi hình thức kiến trúc bên ngoài, kết cấu và khuôn viên của công trình;	<i>Giữ nguyên</i>	
		đ) Khi phát hiện công trình có biểu hiện xuống cấp về chất lượng, có kết cấu kém an toàn cần thông báo kịp thời cho chính quyền địa phương.	<i>Giữ nguyên</i>	
	5	Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí đánh giá, phân loại công trình kiến trúc có giá trị; trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị.	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
Điều 14		Quy chế quản lý kiến trúc	<i>Giữ nguyên tên điều</i>	
	1	Quy chế quản lý kiến trúc được lập cho các đô thị và điểm dân cư nông thôn của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	<i>Quy chế quản lý kiến trúc được lập cho đô thị và nông thôn như sau:</i>	Sửa đổi phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.
			<i>a) Quy chế quản lý kiến trúc đô thị được lập cho thành phố, đô thị, đô thị mới và đặc khu là đô thị; đối với khu vực khác theo yêu cầu quản lý trong đô thị, việc lập quy chế quản lý kiến trúc do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định;</i>	Sửa đổi phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.
			<i>b) Quy chế quản lý kiến trúc nông thôn được lập cho xã và đặc khu, trừ trường hợp xã, đặc khu được định hướng là đô thị.</i>	Sửa đổi phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.
	2	Quy chế quản lý kiến trúc phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu sau đây:	<i>Giữ nguyên</i>	
		a) Phù hợp với quy định tại các điều 10, 11 và 13 của Luật này;	<i>Giữ nguyên</i>	
		b) Phù hợp với thiết kế đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;	b) Phù hợp với <i>quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn</i> đã được phê duyệt và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;	Sửa đổi phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.
		c) Phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc, đặc điểm, điều kiện thực tế của địa phương.	<i>Giữ nguyên</i>	
	3	Quy chế quản lý kiến trúc bao gồm các nội dung sau đây:	<i>Giữ nguyên</i>	
		a) Quy định về quản lý kiến trúc đối với toàn bộ khu vực lập quy chế; kiến trúc cho những khu vực, tuyến đường cụ thể;	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		b) Xác định yêu cầu về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc của địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này;	b) Xác định <i>các tiêu chí</i> , yêu cầu về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc của địa phương <i>trên cơ sở</i> quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật này;	Sửa đổi, bổ sung kỹ thuật diễn đạt rõ về yêu cầu xác định “tiêu chí” trong nội dung quy chế quản lý kiến trúc.
		c) Xác định khu vực cần lập thiết kế đô thị riêng, tuyến phố, khu vực cần ưu tiên chỉnh trang và kế hoạch thực hiện; khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù;	<i>Giữ nguyên</i>	
		d) Quy định về quản lý kiến trúc đối với nhà ở, công trình công cộng, công trình phục vụ tiện ích đô thị, công trình công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phải tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	
		đ) Quy định về quản lý, bảo vệ công trình kiến trúc có giá trị;	<i>Giữ nguyên</i>	
		e) Quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quy chế quản lý kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	
		g) Sơ đồ, bản vẽ, hình ảnh minh họa;	<i>Giữ nguyên</i>	
		h) Phụ lục về danh mục công trình kiến trúc có giá trị.	<i>Giữ nguyên</i>	
	4	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng quy chế quản lý kiến trúc và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi ban hành; đối với quy chế quản lý kiến trúc của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I là thành phố trực thuộc trung	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập và ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị có phạm vi không gian liên quan đến địa giới của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên; Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập và ban hành quy</i>	Sửa đổi kỹ thuật diễn đạt, luật hóa quy định tại Điều 29 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP và xác định rõ thẩm quyền xây dựng và ban hành quy chế quản lý kiến trúc của UBND

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		ương thì phải có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng.	<i>chế quản lý kiến trúc trong địa bàn do mình quản lý.</i>	cấp tỉnh và cấp xã; đơn giản hóa thủ tục ban hành.
	5	Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy chế quản lý kiến trúc; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, lấy ý kiến, công bố và biện pháp tổ chức thực hiện quy chế quản lý kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 15		Điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc	<i>Giữ nguyên tên điều</i>	
	1	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện quy chế quản lý kiến trúc định kỳ 05 năm hoặc đột xuất để xem xét điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc. Nội dung rà soát, đánh giá quá trình thực hiện quy chế quản lý kiến trúc được thực hiện theo quy định của Chính phủ.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, <i>cấp xã</i> xem xét, tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện quy chế quản lý kiến trúc định kỳ 05 năm hoặc quy hoạch chung được phê duyệt hoặc đột xuất để xem xét điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc. Nội dung rà soát, đánh giá quá trình thực hiện quy chế quản lý kiến trúc được thực hiện theo quy định của Chính phủ.	Sửa đổi, bổ sung bảo đảm phù hợp tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp
	2	Điều kiện điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc được quy định như sau:	<i>Giữ nguyên</i>	
		a) Có sự điều chỉnh về quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, thiết kế đô thị và địa giới đơn vị hành chính làm ảnh hưởng đến tính chất, chức năng, quy mô khu vực lập quy chế quản lý kiến trúc;	a) Có sự điều chỉnh về <i>quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn</i> , thiết kế đô thị và <i>điều chỉnh</i> địa giới đơn vị hành chính làm ảnh hưởng đến tính chất, chức năng, quy mô khu vực lập quy chế quản lý kiến trúc;	Sửa đổi kỹ thuật diễn đạt, thay cụm từ “quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn” thành cụm từ “quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn”.
		b) Hình thành dự án trọng điểm quốc gia làm ảnh hưởng đến bố cục không gian kiến trúc khu vực lập quy chế quản lý kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		c) Quy chế quản lý kiến trúc không thực hiện được hoặc việc triển khai thực hiện gây ảnh hưởng xấu đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội, môi trường sinh thái và di tích lịch sử - văn hóa;	<i>Giữ nguyên</i>	
		d) Phục vụ lợi ích quốc gia và lợi ích cộng đồng.	d) Phục vụ lợi ích quốc gia và lợi ích cộng đồng. <i>Trường hợp đột xuất cần điều chỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nội dung điều chỉnh trên cơ sở kết quả rà soát đột xuất, đánh giá quá trình thực hiện quy chế quản lý kiến trúc.</i>	Bổ sung theo ý kiến góp ý tại các Hội thảo.
	3	Nguyên tắc điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc được quy định như sau:	<i>Giữ nguyên</i>	
		a) Tập trung vào nội dung cần điều chỉnh, nội dung không điều chỉnh của quy chế đã phê duyệt vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý;	<i>Giữ nguyên</i>	
		b) Việc điều chỉnh phải trên cơ sở phân tích, đánh giá hiện trạng, xác định rõ các yêu cầu điều chỉnh để điều chỉnh nội dung quy chế phù hợp với yêu cầu phát triển.	<i>Giữ nguyên</i>	
	4	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua việc điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc trước khi quyết định điều chỉnh; đối với quy chế quản lý kiến trúc của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I là thành phố trực thuộc trung ương thì phải có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng.	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập điều chỉnh và ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị có phạm vi không gian liên quan đến địa giới của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên; Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập điều chỉnh và ban hành quy chế quản lý kiến trúc trong địa bàn do mình quản lý.</i>	Sửa đổi kỹ thuật diễn đạt, luật hóa quy định tại Điều 29 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP và xác định rõ thẩm quyền ban hành điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc giữa UBND cấp tỉnh và cấp xã.

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
Điều 16		Hội đồng tư vấn về kiến trúc	<i>Giữ nguyên điều</i>	
	1	Hội đồng tư vấn về kiến trúc quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập khi cần thiết để tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ về kiến trúc và kiến trúc của một số công trình quan trọng.	<i>Giữ nguyên</i>	
	2	Hội đồng tư vấn về kiến trúc cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập khi cần thiết để tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về lĩnh vực kiến trúc và kiến trúc của một số công trình quan trọng, công trình kiến trúc có giá trị trên địa bàn quản lý.	<i>Giữ nguyên</i>	
	3	Thành viên Hội đồng tư vấn về kiến trúc gồm đại diện cơ quan quản lý nhà nước về kiến trúc, chuyên gia trong lĩnh vực liên quan đến kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
	4	Hội đồng và thành viên Hội đồng tư vấn về kiến trúc chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước người quyết định thành lập Hội đồng về nội dung tham mưu, tư vấn của mình.	<i>Giữ nguyên</i>	
	5	Thành viên Hội đồng tư vấn về kiến trúc làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; Hội đồng tự giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 17		Thi tuyển phương án kiến trúc	Thi tuyển kiến trúc	Sửa đổi kỹ thuật diễn đạt.
	1	Thi tuyển phương án kiến trúc là việc tổ chức cuộc thi để chọn phương án kiến trúc tối ưu, đáp ứng yêu cầu về quy hoạch, kiến trúc, văn hóa,	Thi tuyển kiến trúc là việc tổ chức cuộc thi để chọn phương án kiến trúc hoặc ý tưởng kiến trúc tối ưu, đáp ứng yêu cầu về quy hoạch, kiến	Sửa đổi kỹ thuật diễn đạt để rõ ràng hơn về hình thức, mức độ thi tuyển kiến trúc.

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.	trúc, văn hóa, hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường. <i>Công trình xây dựng khẩn cấp, cấp bách, công trình thuộc dự án đầu tư công đặc biệt, công trình thuộc dự án đầu tư công theo thủ tục đầu tư đặc biệt không bắt buộc phải thi tuyển kiến trúc; trường hợp cần thiết phải thi tuyển kiến trúc thì người có thẩm quyền quyết định trên cơ sở bảo đảm tiến độ thực hiện của dự án.</i>	Bổ sung quy định phù hợp với thực tiễn và trình tự, thủ tục quy định tại pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng.
	2	Công trình phải thi tuyển phương án kiến trúc bao gồm:	Công trình phải <i>thi tuyển kiến trúc</i> bao gồm:	Chỉnh lý, bỏ cụm từ “phương án”.
		a) Công trình công cộng có quy mô cấp đặc biệt, cấp I;	a) Công trình công cộng cấp đặc biệt, cấp I và <i>không bao gồm trung tâm thí nghiệm an toàn sinh học;</i>	Điều chỉnh đối tượng cần thi tuyển kiến trúc do công trình trung tâm thí nghiệm an toàn sinh học là công trình có tính đặc thù, không yêu cầu cần thi tuyển phương án kiến trúc
		b) Nhà ga đường sắt trung tâm cấp tỉnh, nhà ga hàng không dân dụng; cầu trong đô thị từ cấp II trở lên, ga đường sắt nội đô từ cấp II trở lên; công trình tượng đài, công trình là biểu tượng về truyền thống, văn hóa và lịch sử của địa phương; công trình quan trọng, điểm nhấn trong đô thị và trên các tuyến đường chính được xác định trong đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý kiến trúc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	b) Nhà ga hàng không (Nhà ga chính) quy mô cấp đặc biệt, cấp I; công trình là biểu tượng về truyền thống, văn hóa và lịch sử của địa phương; công trình quan trọng, điểm nhấn trong đô thị và trên các tuyến đường chính được xác định trong quy hoạch đô thị và nông thôn <i>hoặc</i> thiết kế đô thị <i>hoặc</i> quy chế quản lý kiến trúc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;	Điều chỉnh bỏ đối tượng thi tuyển kiến trúc là nhà ga đường sắt để đồng bộ với quy định của pháp luật về đường sắt; Điều chỉnh bỏ đối tượng thi tuyển kiến trúc là công trình tượng đài, do tượng, tượng đài là đối tượng được điều chỉnh tại Nghị định về hoạt động mỹ thuật, theo đó đã có trong nội

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
				dung quy định về thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật.
			<i>c) Các công trình kiến trúc khác do cấp có thẩm quyền quyết định theo yêu cầu quản lý phát triển, bảo đảm phù hợp với quy hoạch theo pháp luật đô thị và nông thôn.</i>	Bổ sung trách nhiệm của cấp có thẩm quyền xác định công trình thực hiện thi tuyển khi chưa được xác định tại pháp luật và tại quy chế quản lý kiến trúc nhằm tăng tính chủ động, linh hoạt của chính quyền địa phương các cấp trong thực hiện tổ chức quản lý kiến trúc.
	3	Việc tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc được đề xuất trong chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.	Việc tổ chức thi tuyển kiến trúc được đề xuất trong chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. <i>Đối với công trình có vốn ngoài ngân sách, người quyết định đầu tư có thể quyết định tổ chức thi tuyển kiến trúc làm cơ sở đề xuất chủ trương đầu tư và báo cáo nghiên cứu khả thi.</i>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn và trình tự, thủ tục triển khai.
	4	Người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định hình thức thi tuyển phương án kiến trúc, quyết định thành lập Hội đồng thi tuyển phương án kiến trúc.	Người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định việc thi tuyển kiến trúc và công tác tổ chức thi tuyển.	
	5	Chi phí thi tuyển phương án kiến trúc được tính trong tổng mức đầu tư của dự án.	Kinh phí thi tuyển kiến trúc được xác định khi tổ chức thi tuyển và được tính trong tổng mức đầu tư của dự án.	
	6	Trên cơ sở phương án kiến trúc trúng tuyển, tổ chức, cá nhân có phương án kiến trúc trúng tuyển được thực hiện các bước tiếp theo của dự	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		án khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật về đấu thầu.		
	7	Thông tin về thi tuyển, hội đồng thi tuyển phương án kiến trúc và kết quả của cuộc thi phải được chủ đầu tư công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.	<i>Giữ nguyên</i>	
	8	Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 18		Quản lý lưu trữ tài liệu	<i>Giữ nguyên điều</i>	
		Cơ quan quản lý nhà nước về kiến trúc, chủ đầu tư có trách nhiệm lưu trữ tài liệu, hồ sơ thiết kế về kiến trúc. Tổ chức, cá nhân tư vấn, nhà thầu xây dựng, ban quản lý xây dựng có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ công việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật lưu trữ và quy định khác của pháp luật có liên quan.	<i>Giữ nguyên</i>	
		Chương III. HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC		
		Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC		
Điều 19		Dịch vụ kiến trúc	Hành nghề kiến trúc	Sửa đổi kỹ thuật diễn đạt
	1	Dịch vụ kiến trúc là loại hình kinh doanh dịch vụ tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng.	<i>Hành nghề kiến trúc là hoạt động tư vấn, chuyên môn về kiến trúc trong quá trình thiết kế xây dựng.</i>	Sửa đổi, làm rõ quy định hành nghề kiến trúc là hoạt động trong quá trình thiết kế xây dựng.
	2	Dịch vụ kiến trúc bao gồm:	<i>Hành nghề kiến trúc</i> gồm các công việc sau:	
		a) Thiết kế kiến trúc công trình;	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		b) Thiết kế kiến trúc trong đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, thiết kế đô thị;	b) Thiết kế kiến trúc trong <i>quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn</i> ;	Sửa đổi kỹ thuật diễn đạt phù hợp với pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.
		c) Thiết kế kiến trúc cảnh quan;	<i>Giữ nguyên</i>	
		d) Thiết kế nội thất;	<i>Giữ nguyên</i>	
		đ) Chỉ dẫn đặc điểm kỹ thuật kiến trúc công trình;	<i>Giữ nguyên</i>	
		e) Đánh giá kiến trúc công trình;	<i>Giữ nguyên</i>	
		g) Thẩm tra thiết kế kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 20		Tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hành nghề kiến trúc	<i>Giữ nguyên điều</i>	
		Tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hành nghề kiến trúc được thành lập và tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 21		Điều kiện hành nghề kiến trúc	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc	Sửa đổi, cấu trúc lại toàn bộ quy định tại Điều này.

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
	1	Cá nhân đảm nhận chức danh chủ trì thiết kế kiến trúc, cá nhân chịu trách nhiệm chuyên môn về kiến trúc trong tổ chức hành nghề kiến trúc, kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề kiến trúc, trừ trường hợp quy định tại Điều 31 của Luật này.	<i>Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc được phân thành các mức độ phù hợp với phạm vi và trách nhiệm hành nghề, là căn cứ để quản lý, kiểm tra, đánh giá hoạt động hành nghề kiến trúc; việc hành nghề kiến trúc phải tuân thủ quy tắc ứng xử nghề nghiệp theo quy định của Luật này.</i>	Sửa đổi, bổ sung theo chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ về cắt giảm điều kiện kinh doanh.
	2	Cá nhân không có chứng chỉ hành nghề kiến trúc được tham gia thực hiện dịch vụ kiến trúc trong tổ chức hành nghề kiến trúc hoặc hợp tác với kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân.	<i>Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc gồm:</i> <i>a) Có trình độ đào tạo từ đại học trở lên thuộc lĩnh vực kiến trúc;</i> <i>b) Có kinh nghiệm tham gia hành nghề kiến trúc tối thiểu 03 năm trong tổ chức hành nghề kiến trúc hoặc hợp tác với kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân; trong đó, tham gia, hoàn thành thiết kế tối thiểu 02 công trình xây dựng cấp 1 hoặc 02 công trình kiến trúc có yêu cầu thiết kế phức tạp tương tự trở lên;</i> <i>c) Đáp ứng yêu cầu về phát triển nghề nghiệp liên tục.</i>	Sửa đổi, bổ sung theo chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ về cắt giảm điều kiện kinh doanh nhưng vẫn bảo đảm chặt chẽ trong quản lý và bảo đảm chất lượng hành nghề kiến trúc.
	3	Tổ chức hành nghề kiến trúc phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật này.	<i>Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn tối thiểu đối với cá nhân tham gia hành nghề kiến trúc là</i>	Sửa đổi, bổ sung theo chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
			<i>trình độ đào tạo đại học trở lên thuộc lĩnh vực kiến trúc.</i>	về cắt giảm điều kiện kinh doanh nhưng vẫn bảo đảm chặt chẽ trong quản lý và bảo đảm chất lượng hành nghề kiến trúc.
	4		<i>Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thực hiện các công việc quy định tại các điểm a, b và g khoản 2 Điều 19 của Luật này, cá nhân chịu trách nhiệm chuyên môn về kiến trúc trong tổ chức hành nghề kiến trúc, kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này hoặc có chứng chỉ hành nghề kiến trúc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật này.</i>	Sửa đổi, bổ sung theo chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ về cắt giảm điều kiện kinh doanh nhưng vẫn bảo đảm chặt chẽ trong quản lý và bảo đảm chất lượng hành nghề kiến trúc.
	5		<i>Kiến trúc sư hành nghề đã được cấp chứng chỉ thừa nhận về hành nghề kiến trúc theo thỏa thuận quốc tế đã ký kết hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên được đảm nhận vị trí chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế khi tham gia hành nghề kiến trúc.</i>	Sửa đổi, bổ sung quy định phù hợp với yêu cầu hội nhập khu vực ASEAN.
Điều 22		Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề	<i>Giữ nguyên điều</i>	
	1	Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề phải phù hợp với quy định của pháp luật và có các nội dung cơ bản sau đây:	<i>Giữ nguyên</i>	
		a) Nguyên tắc hành nghề;	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		b) Cạnh tranh trong hành nghề;	<i>Giữ nguyên</i>	
		c) Bảo đảm quyền bình đẳng giới;	<i>Giữ nguyên</i>	
		d) Quyền sở hữu trí tuệ;	<i>Giữ nguyên</i>	
		đ) Ứng xử nghề nghiệp đối với đồng nghiệp và khách hàng.	<i>Giữ nguyên</i>	
	2	Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hành nghề kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
	3	Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 23		Phát triển nghề nghiệp liên tục	<i>Giữ nguyên điều</i>	
	1	Phát triển nghề nghiệp liên tục gồm hoạt động cập nhật, duy trì, tăng cường, nâng cao kiến thức, kỹ năng của kiến trúc sư hành nghề.	<i>Giữ nguyên</i>	
	2	Tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hành nghề kiến trúc, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo về kiến trúc tổ chức thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này và đánh giá phát triển nghề nghiệp liên tục của kiến trúc sư hành nghề.	<i>Giữ nguyên</i>	
	3	Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 24		Quản lý thông tin hành nghề kiến trúc	Cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc	Sửa đổi, bổ sung
	1	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc hoặc nhận được	<i>Cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc bao gồm:</i>	Sửa đổi, bổ sung quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu về

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		thông báo của tổ chức hành nghề kiến trúc có trụ sở hoạt động tại địa phương, cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải đăng tải công khai thông tin về tổ chức, cá nhân hành nghề kiến trúc trên trang thông tin điện tử do mình quản lý và gửi thông tin đến Bộ Xây dựng.	<i>a) Cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc;</i> <i>b) Cơ sở dữ liệu về tổ chức hành nghề kiến trúc.</i>	hành nghề kiến trúc trong Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; phù hợp với chủ trương, chỉ đạo về chuyển đổi số.
	2	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Xây dựng phải đăng tải công khai thông tin về tổ chức, cá nhân hành nghề kiến trúc trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.	<i>Cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc được thu thập khi cơ quan nhà nước thực hiện công tác quản lý về kiến trúc, thẩm định thiết kế xây dựng và do cá nhân hành nghề kiến trúc, tổ chức hành nghề kiến trúc đăng ký, cập nhật trên Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; bảo đảm theo quy định của Chính phủ về Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.</i>	
		Mục 2. HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC CỦA CÁ NHÂN		
		Chương IV QUY ĐỊNH VỀ CHUYỂN TIẾP		
Điều 25		Kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân	<i>Giữ nguyên tên điều</i>	
	1	Kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân là kiến trúc sư có chứng chỉ hành nghề kiến trúc không thuộc tổ chức hành nghề kiến trúc, nhân danh cá nhân mình thực hiện các dịch vụ kiến trúc.	Kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân là kiến trúc sư <i>đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật này</i> không thuộc tổ chức hành nghề kiến trúc, nhân danh cá nhân mình <i>trực tiếp hành nghề</i> kiến trúc.	Sửa đổi kỹ thuật diễn đạt.
	2	Kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân thực hiện dịch vụ kiến trúc theo hợp đồng đã giao kết	Kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân <i>được trực tiếp hành nghề</i> kiến trúc theo hợp	Sửa đổi kỹ thuật diễn đạt.

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		với tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.	đồng đã giao kết với tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.	
	3		<i>Kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân được phép thành lập văn phòng kiến trúc để hoạt động theo quy định đối với hộ kinh doanh cá thể tại pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật khác có liên quan và phù hợp với quy định của Luật này .</i>	Bổ sung quy định khuyến khích phạm vi hoạt động đối với cá nhân hành nghề với tư cách cá nhân và rõ ràng hành lang pháp luật để quản lý.
Điều 26		Sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Đăng ký hành nghề kiến trúc và cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Sửa đổi, bổ sung
	1	Tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hành nghề kiến trúc, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo về kiến trúc tổ chức thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc.	<i>Cá nhân hành nghề kiến trúc có trách nhiệm đăng ký, đăng tải thông tin về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc của mình trên Cổng thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng để tham gia hành nghề kiến trúc. Thông tin, tài liệu đăng ký, đăng tải gồm:</i> <i>a) Bằng tốt nghiệp đại học về lĩnh vực kiến trúc và văn bằng khác có liên quan;</i> <i>b) Bản kê kinh nghiệm hành nghề kiến trúc (nếu có) và tài liệu chứng minh;</i> <i>c) Thông tin về việc đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp (nếu có) và các tài liệu chứng minh;</i> <i>d) Chứng chỉ hành nghề kiến trúc, chứng chỉ thừa nhận lẫn nhau theo thỏa thuận hoặc</i>	Sửa đổi theo hướng việc cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc là lựa chọn của cá nhân hành nghề theo nhu cầu của bản thân trong tham gia hành nghề kiến trúc.

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
			<i>điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia hoặc ký kết (nếu có);</i> <i>d) Cá nhân hành nghề kiến trúc chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc. Thông tin về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc nêu trên phải được cá nhân hành nghề kiến trúc cập nhật định kỳ mỗi 02 năm.</i>	
	2	Nội dung sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc bao gồm:	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc:	
		a) Kinh nghiệm nghề nghiệp về kiến trúc;	<i>a) Cá nhân đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật này, nếu có nhu cầu, gửi yêu cầu kèm theo thông tin tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia để được cấp chứng chỉ hành nghề;</i>	
		b) Kiến thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực hành nghề;	<i>b) Trong thời gian 05 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này xem xét, cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc bằng hình thức văn bản hoặc điện tử cho cá nhân có nhu cầu.</i>	
		c) Kiến thức chuyên ngành về kiến trúc;	Bãi bỏ	Bỏ quy định về sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề.
		d) Kiến thức về Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề.	Bãi bỏ	Bỏ quy định về sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề.

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
	3	Tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hành nghề kiến trúc, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo về kiến trúc được công nhận đủ điều kiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc khi đáp ứng các yêu cầu sau đây:	Bãi bỏ	Bỏ quy định về sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề.
		a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;	Bãi bỏ	Bỏ quy định về sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề.
		b) Có lĩnh vực hoạt động liên quan đến hoạt động kiến trúc;	Bãi bỏ	Bỏ quy định về sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề.
		c) Có đầy đủ nhân lực, cơ sở vật chất phục vụ tổ chức sát hạch.	Bãi bỏ	Bỏ quy định về sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề.
	4	Chính phủ quy định chi tiết chương trình, nội dung, hình thức tổ chức sát hạch; thời hạn có hiệu lực của kết quả sát hạch; điều kiện thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc đối với tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hành nghề kiến trúc, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo về kiến trúc.	Bãi bỏ	Bỏ quy định về sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề.
Điều 27		Thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc; thời hạn của chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Thẩm quyền cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề kiến trúc; thời hạn của chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Sửa đổi kỹ thuật bảo đảm tương thích với nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Điều 26 Luật này.
	1	Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc.	Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo quy định của Chính phủ.	Sửa đổi kỹ thuật bảo đảm tương thích với nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Điều 26 Luật này.

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
	2	Chứng chỉ hành nghề kiến trúc có thời hạn 10 năm và có giá trị sử dụng trong phạm vi cả nước.	Giữ nguyên	
	3	Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về mẫu chứng chỉ hành nghề kiến trúc.	Giữ nguyên	
Điều 28		Điều kiện cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Bãi bỏ điều	Bãi bỏ để đơn giản hóa thủ tục hành chính
	1	Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc được quy định như sau:	Bãi bỏ	
		a) Có trình độ từ đại học trở lên về lĩnh vực kiến trúc;	Bãi bỏ	
		b) Có kinh nghiệm tham gia thực hiện dịch vụ kiến trúc tối thiểu là 03 năm tại tổ chức hành nghề kiến trúc hoặc hợp tác với kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân;	Bãi bỏ	
		c) Đạt yêu cầu sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc.	Bãi bỏ	
	2	Điều kiện gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc được quy định như sau:	Bãi bỏ	
		a) Chứng chỉ hành nghề kiến trúc hết thời hạn sử dụng;	Bãi bỏ	
		b) Bảo đảm phát triển nghề nghiệp liên tục;	Bãi bỏ	
		c) Không vi phạm Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề.	Bãi bỏ	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
	3	Cá nhân có thời gian liên tục từ 10 năm trở lên trực tiếp tham gia quản lý nhà nước về kiến trúc, đào tạo trình độ đại học trở lên về lĩnh vực kiến trúc, hành nghề kiến trúc được miễn điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.	Bãi bỏ	
	4	Cá nhân đạt giải thưởng kiến trúc quốc gia hoặc giải thưởng quốc tế về kiến trúc được miễn điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.	Bãi bỏ	
Điều 29		Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Bãi bỏ điều	Bãi bỏ để đơn giản hóa thủ tục hành chính
	1	Cá nhân đề nghị cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Bãi bỏ	
	2	Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng xét cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc. Thành phần Hội đồng gồm đại diện cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hành nghề kiến trúc hoặc cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo về kiến trúc, chuyên gia về kiến trúc.	Bãi bỏ	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
	3	Hội đồng và thành viên Hội đồng xét cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước người quyết định thành lập hội đồng về nội dung tham mưu, tư vấn của mình.	<i>Bãi bỏ</i>	
	4	Thành viên Hội đồng xét cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; hội đồng tự giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ.	<i>Bãi bỏ</i>	
	5	Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc.	<i>Bãi bỏ</i>	
Điều 30		Thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc	<i>Giữ nguyên tên điều</i>	
	1	Chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị thu hồi trong trường hợp sau đây:	Giữ nguyên	
		a) Không còn đủ điều kiện cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc quy định tại Điều 28 của Luật này;	<i>a) Không hành nghề hoặc không cập nhật thông tin về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc trong 03 năm liên tục;</i>	Sửa đổi, bổ sung quy định để tương thích với nội dung được sửa đổi, bổ sung tại các Điều 26 và 27 Luật này.
		b) Giả mạo trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc;	Giữ nguyên	
		c) Vi phạm nghiêm trọng Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề;	Giữ nguyên	
		d) Có sai sót chuyên môn kỹ thuật trong hành nghề kiến trúc gây hậu quả nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;	Giữ nguyên	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		đ) Bị cấm hành nghề hoặc cấm làm công việc liên quan về kiến trúc theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.	Giữ nguyên	
	2	Chứng chỉ hành nghề kiến trúc được cấp lại trong trường hợp sau đây:	Giữ nguyên	
		a) Chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị mất hoặc hư hỏng;	Giữ nguyên	
		b) Thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc.	b) Thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong Chứng chỉ hành nghề kiến trúc hoặc cấp lại đối với trường hợp chứng chỉ hành nghề kiến trúc đã hết thời hạn bị thu hồi.	Bổ sung quy định cấp lại chứng chỉ hành nghề khi đã hết thời hạn bị thu hồi.
	3	Trường hợp bị thu hồi, chứng chỉ hành nghề kiến trúc chỉ được cấp lại sau 12 tháng kể từ ngày bị thu hồi đối với trường hợp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này hoặc sau 12 tháng kể từ ngày hết thời gian bị cấm hành nghề hoặc cấm làm công việc liên quan về kiến trúc đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này khi bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này.	Trường hợp bị thu hồi, Chứng chỉ hành nghề kiến trúc chỉ được cấp lại sau 12 tháng kể từ ngày bị thu hồi và phải bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 26 của Luật này.	Chỉnh lý kỹ thuật bảo đảm tương thích với khoản 1 Điều này.
	4	Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc.	Cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này thực hiện rà soát hàng năm thông tin hành nghề kiến trúc để quản lý, theo dõi và quyết định việc thu hồi chứng chỉ hành nghề kiến trúc, thực hiện cấp lại theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Luật này.	Sửa đổi, bổ sung để quy định rõ trách nhiệm cơ quan thực hiện và đơn giản hóa trình tự thủ tục thực hiện.

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
	5		<i>Kết quả rà soát thông tin hành nghề kiến trúc và tình hình xử lý liên quan đến tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc được cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này báo cáo định kỳ hằng năm về Bộ Xây dựng.</i>	Bổ sung quy định về trách nhiệm giám sát tình hình quản lý hành nghề kiến trúc.
Điều 31		Hành nghề kiến trúc của người nước ngoài tại Việt Nam	Giữ nguyên tên điều	
	1	Người nước ngoài được hành nghề kiến trúc tại Việt Nam khi đáp ứng các điều kiện sau đây:		
		a) Có chứng chỉ hành nghề kiến trúc tại Việt Nam hoặc có chứng chỉ hành nghề kiến trúc đang có hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp và được Việt Nam công nhận, chuyển đổi;	<i>a) Có chứng chỉ hành nghề kiến trúc còn thời hạn hiệu lực, do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc có bằng tốt nghiệp đại học về lĩnh vực kiến trúc và bản kê kinh nghiệm hành nghề tối thiểu 03 năm sau khi tốt nghiệp đại học về lĩnh vực kiến trúc hoặc có chứng chỉ thừa nhận về hành nghề kiến trúc theo thỏa thuận quốc tế đã ký kết hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;</i>	
		b) Tuân thủ pháp luật Việt Nam và Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề của Việt Nam.	<i>Giữ nguyên</i>	
			<i>c) Có giấy phép lao động theo pháp luật của Việt Nam (trừ trường hợp được miễn).</i>	
	2	Việc công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc được quy định như sau:	<i>Các tài liệu quy định tại điểm a khoản này phải được dịch và công chứng sang tiếng Việt.</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		a) Người nước ngoài đã có chứng chỉ hành nghề kiến trúc đang có hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, tham gia dịch vụ kiến trúc ở Việt Nam dưới 06 tháng thì thực hiện thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc, từ 06 tháng trở lên thì thực hiện thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc tại cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;	Bãi bỏ	Bãi bỏ thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc để cắt giảm thủ tục hành chính.
		b) Việc công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc giữa Việt Nam với các quốc gia, vùng lãnh thổ được thực hiện theo quy định của thỏa thuận quốc tế hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	Bãi bỏ	Bãi bỏ thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc để cắt giảm thủ tục hành chính.
	3	Chính phủ quy định chi tiết cách xác định thời gian tham gia dịch vụ kiến trúc ở Việt Nam; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài hành nghề kiến trúc ở Việt Nam.	Bãi bỏ	Bãi bỏ thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc để cắt giảm thủ tục hành chính.
Điều 32		Quyền và nghĩa vụ của kiến trúc sư có chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Quyền và nghĩa vụ của kiến trúc sư hành nghề kiến trúc	
	1	Kiến trúc sư có chứng chỉ hành nghề kiến trúc có quyền sau đây:	Kiến trúc sư hành nghề kiến trúc có quyền sau đây:	Chỉnh lý kỹ thuật từ ngữ bảo đảm thống nhất với cách dùng từ tại các điều, nội dung được sửa đổi, bổ sung.
		a) Thực hiện dịch vụ kiến trúc;	a) Thực hiện các công chuyên môn kiến trúc;	Chỉnh lý kỹ thuật từ ngữ bảo đảm thống nhất với cách dùng

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
				từ tại các điều, nội dung được sửa đổi, bổ sung.
		b) Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;	<i>Giữ nguyên</i>	
		c) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ thiết kế kiến trúc được giao;	<i>c) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến công việc thiết kế kiến trúc được giao;</i>	Sửa đổi kỹ thuật diễn đạt.
		d) Yêu cầu chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng thực hiện đúng thiết kế kiến trúc được duyệt;	<i>Giữ nguyên</i>	
		đ) Từ chối thực hiện yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư;	<i>Giữ nguyên</i>	
		e) Từ chối nghiệm thu công trình, hạng mục công trình không đúng thiết kế kiến trúc được duyệt, không đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;	<i>Giữ nguyên</i>	
		g) Yêu cầu chủ đầu tư thực hiện đúng hợp đồng.	<i>Giữ nguyên</i>	
	2	Kiến trúc sư có chứng chỉ hành nghề kiến trúc có nghĩa vụ sau đây:	<i>Kiến trúc sư hành nghề kiến trúc</i> có nghĩa vụ sau đây:	Chỉnh lý kỹ thuật từ ngữ bảo đảm thống nhất với cách dùng từ tại các điều, nội dung được sửa đổi, bổ sung.
		a) Tuân thủ Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề;	<i>Giữ nguyên</i>	
		b) Phát triển nghề nghiệp liên tục;	<i>Giữ nguyên</i>	
		c) Giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình;	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		d) Thực hiện đúng cam kết với chủ đầu tư theo hợp đồng.	<i>Giữ nguyên</i>	
		Mục 3. HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC CỦA TỔ CHỨC		
Điều 33		Điều kiện hoạt động và hình thức tổ chức hành nghề kiến trúc	<i>Giữ nguyên điều</i>	
	1	Điều kiện hoạt động của tổ chức hành nghề kiến trúc được quy định như sau:	<i>Giữ nguyên</i>	
		a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;	<i>Giữ nguyên</i>	
		b) Có cá nhân chịu trách nhiệm chuyên môn về kiến trúc hoặc chủ trì thiết kế kiến trúc có chứng chỉ hành nghề kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	
		c) Thông báo thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này cho cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức hành nghề kiến trúc có trụ sở hoạt động.	<i>Giữ nguyên</i>	
	2	Tổ chức hành nghề kiến trúc gồm văn phòng kiến trúc sư, tổ chức sự nghiệp, doanh nghiệp khác được tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật này, Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.	<i>Giữ nguyên</i>	
	3	Văn phòng kiến trúc sư do kiến trúc sư có chứng chỉ hành nghề kiến trúc thành lập và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 34		Quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề kiến trúc	<i>Giữ nguyên điều</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
	1	Tổ chức hành nghề kiến trúc có quyền sau đây:	<i>Giữ nguyên</i>	
		a) Thực hiện dịch vụ kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	
		b) Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;	<i>Giữ nguyên</i>	
		c) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ được giao;	<i>Giữ nguyên</i>	
		d) Yêu cầu chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng thực hiện đúng thiết kế kiến trúc được duyệt;	<i>Giữ nguyên</i>	
		đ) Từ chối thực hiện yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư, yêu cầu ngoài nhiệm vụ thiết kế kiến trúc và hợp đồng, yêu cầu thay đổi thiết kế kiến trúc không phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;	<i>Giữ nguyên</i>	
		e) Từ chối nghiệm thu công trình, hạng mục công trình không đúng thiết kế kiến trúc được duyệt.	<i>Giữ nguyên</i>	
	2	Tổ chức hành nghề kiến trúc có nghĩa vụ sau đây:	<i>Giữ nguyên</i>	
		a) Hoạt động đúng ngành, nghề đã đăng ký;	<i>Giữ nguyên</i>	
		b) Thực hiện đúng hợp đồng đã giao kết với khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật;	<i>Giữ nguyên</i>	
		c) Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		d) Chịu trách nhiệm về chất lượng công việc theo hợp đồng đã giao kết, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật khi sử dụng thông tin, tài liệu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật, tổ chức quản lý không phù hợp hoặc vi phạm hợp đồng gây thiệt hại.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 35		Giám sát tác giả	<i>Giữ nguyên điều</i>	
	1	Tổ chức hành nghề kiến trúc, kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân có trách nhiệm giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình.	<i>Giữ nguyên</i>	
	2	Chủ thể thực hiện giám sát tác giả có quyền sau đây:	<i>Giữ nguyên</i>	
		a) Yêu cầu chủ đầu tư, nhà thầu thi công thực hiện đúng thiết kế kiến trúc được duyệt;	<i>Giữ nguyên</i>	
		b) Trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân có chứng chỉ hành nghề kiến trúc giám sát tác giả theo hợp đồng và quy định của pháp luật;	<i>Giữ nguyên</i>	
		c) Thông báo, dừng việc giám sát tác giả nếu thời gian thi công xây dựng kéo dài hơn thời gian thi công xây dựng trong hợp đồng đã giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;	<i>Giữ nguyên</i>	
		d) Từ chối yêu cầu điều chỉnh thiết kế kiến trúc bất hợp lý của chủ đầu tư;	<i>Giữ nguyên</i>	
		đ) Từ chối ký vào biên bản nghiệm thu công trình khi thi công không đúng với thiết kế kiến trúc được duyệt.	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
	3	Chủ thể thực hiện giám sát tác giả có nghĩa vụ sau đây:	<i>Giữ nguyên</i>	
		a) Tham gia nghiệm thu hoàn công công trình theo quy định của pháp luật và hợp đồng với chủ đầu tư;	<i>Giữ nguyên</i>	
		b) Thực hiện chỉnh sửa bất hợp lý trong thiết kế kiến trúc theo yêu cầu của chủ đầu tư;	<i>Giữ nguyên</i>	
		c) Thông báo cho chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về kiến trúc địa phương xử lý khi phát hiện việc thi công không đúng với thiết kế kiến trúc được duyệt.	<i>Giữ nguyên</i>	
		Chương IV. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KIẾN TRÚC		
Điều 36		Nội dung quản lý nhà nước về kiến trúc	<i>Giữ nguyên điều</i>	
	1	Ban hành, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
	2	Xây dựng, tổ chức thực hiện định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam, chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch trong hoạt động kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
	3	Tổ chức, thống nhất quản lý kiến trúc đô thị và kiến trúc nông thôn; quản lý hành nghề kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
	4	Cấp, gia hạn, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
	5	Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
	6	Tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ về kiến trúc; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực hoạt động kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
	7	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hoạt động kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
	8	Hợp tác quốc tế về kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
	9	Xây dựng, quản lý lưu trữ hồ sơ, cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin phục vụ hoạt động kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
	10	Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về kiến trúc; giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 37		Trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ	<i>Giữ nguyên điều</i>	
	1	Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về kiến trúc trên phạm vi cả nước.	<i>Giữ nguyên</i>	
	2	Bộ Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động kiến trúc trong phạm vi cả nước và có trách nhiệm sau đây:	<i>Giữ nguyên</i>	
		a) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam;	<i>Giữ nguyên</i>	
		b) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về kiến trúc;		
		c) Tổ chức, quản lý hoạt động kiến trúc trong quản lý dự án, thẩm định dự án, thiết kế xây dựng;	<i>Giữ nguyên</i>	
		d) Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	
		đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm trong hoạt động kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	
		e) Tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ về kiến trúc; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	
		g) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	
		h) Phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra, đánh giá chất lượng kiến trúc trong các dự án đầu tư xây dựng;	<i>Giữ nguyên</i>	
		i) Ban hành mẫu thiết kế kiến trúc cho các công trình công cộng và nhà ở nông thôn bảo đảm yêu cầu về thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai;	<i>Giữ nguyên</i>	
		k) Xây dựng cơ sở dữ liệu về kiến trúc và hành nghề kiến trúc trong cả nước; quản lý, cung cấp thông tin phục vụ hoạt động kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		l) Hợp tác quốc tế về kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
	3	Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Xây dựng thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 38		Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp	<i>Giữ nguyên điều</i>	
	1	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:	<i>Giữ nguyên</i>	
		a) Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động kiến trúc theo quy định của Luật này và phân cấp của Chính phủ; ban hành văn bản theo thẩm quyền; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	
		b) Thực hiện và phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra và giám sát chất lượng kiến trúc trong dự án đầu tư xây dựng;	<i>Giữ nguyên</i>	
		c) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về kiến trúc cho cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị trực thuộc theo phân cấp;	<i>Giữ nguyên</i>	
		d) Xây dựng cơ sở dữ liệu về kiến trúc và hành nghề kiến trúc trên địa bàn; quản lý và cung cấp thông tin phục vụ hoạt động kiến trúc;	<i>Giữ nguyên</i>	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		đ) Hằng năm, báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về hoạt động kiến trúc.	<i>Giữ nguyên</i>	
	2	Ủy ban nhân dân cấp xã, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:	<i>Giữ nguyên</i>	Đã được sửa đổi tại Nghị định số 140/2025/NĐ-CP phù hợp chính quyền 02 cấp
		a) Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động kiến trúc trên địa bàn theo quy định của pháp luật;	<i>Giữ nguyên</i>	
		b) Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về kiến trúc cho cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị trực thuộc theo phân cấp.	<i>Giữ nguyên</i>	
		Chương V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH		
Điều 39		Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến hoạt động kiến trúc	Bãi bỏ điều	
	1	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14 và Luật số 35/2018/QH14 như sau:	Bãi bỏ	
		a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 91 như sau: “1. Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng, thiết kế đô thị thì phải phù hợp với quy chế quản lý kiến trúc	Bãi bỏ	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.”;		
		b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 93 như sau: “a) Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt và quy chế quản lý kiến trúc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;”;	Bãi bỏ	
		c) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 148 như sau: “4a. Tổ chức, cá nhân hành nghề kiến trúc thực hiện theo quy định của pháp luật về kiến trúc.”;	Bãi bỏ	
		d) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 149 như sau: “4. Chứng chỉ hành nghề kiến trúc thực hiện theo quy định của pháp luật về kiến trúc.”;	Bãi bỏ	
		đ) Bãi bỏ Điều 81.	Bãi bỏ	
	2	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 77/2015/QH13 và Luật số 35/2018/QH14 như sau:	Bãi bỏ	
		a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 69 như sau: “1. Tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa công trình kiến trúc, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội	Bãi bỏ	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		và nhà ở phải phù hợp với quy hoạch chi tiết đô thị đã được phê duyệt, quy chế quản lý kiến trúc và theo quy định của pháp luật về xây dựng.”;		
		b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 72 như sau: “6. Chủ đầu tư dự án được xác định trong quyết định đầu tư có trách nhiệm quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật, không gian, kiến trúc theo quy hoạch đô thị đã được phê duyệt, quy chế quản lý kiến trúc trong phạm vi ranh giới thực hiện dự án, trừ trường hợp việc quản lý được bàn giao cho Ủy ban nhân dân.”;	Bãi bỏ	
		c) Bãi bỏ Điều 60.	Bãi bỏ	
	3	Thay thế cụm từ tại một số luật sau đây:	Bãi bỏ	
		a) Thay thế cụm từ “quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị” bằng cụm từ “quy chế quản lý kiến trúc” tại khoản 2 Điều 93 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14 và Luật số 35/2018/QH14;	Bãi bỏ	
		b) Thay thế cụm từ “quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị” bằng cụm từ “quy chế quản lý kiến trúc” tại khoản 2 Điều 20 của Luật Nhà ở số 65/2014/QH13;	Bãi bỏ	
		c) Thay thế cụm từ “quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị” bằng cụm từ “quy chế quản lý kiến trúc” tại Điều 5, điểm e khoản 3 Điều 12, khoản 3 Điều 13, khoản 1 Điều 52 của Luật Quy	Bãi bỏ	

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		hoạch đô thị số 30/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 77/2015/QH13 và Luật số 35/2018/QH14.		
	4	Bỏ cụm từ “hoặc được tuyển chọn” tại điểm d khoản 1 Điều 22 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14 và Luật số 04/2017/QH14.	Bãi bỏ	
Điều 40		Hiệu lực thi hành	<i>Giữ nguyên điều</i>	
	1	Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.		
Điều 41		Quy định chuyển tiếp	<i>Giữ nguyên điều</i>	
	1	Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị đã được phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.		
	2	Cuộc thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng đã phê duyệt kế hoạch tuyển chọn trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.		
	3	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng được cấp cho cá nhân thực hiện thiết kế kiến trúc công trình, thẩm tra thiết kế kiến trúc công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng có giá		

ĐIỀU	Khoản	Nội dung quy định tại Luật Kiến trúc (và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		trị đến khi hết thời hạn sử dụng, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.		
	4	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng được cấp cho cá nhân thực hiện thiết kế kiến trúc công trình, thẩm tra thiết kế kiến trúc công trình hết thời hạn sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020 thì được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020; trường hợp bị mất hoặc hư hỏng thì được cấp lại theo quy định của pháp luật về xây dựng.		

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng năm 2026.